

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ
HOÀNG ANH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/2026/CV-HAGL Agrico
(V/v: giải trình BCTC soát xét
bán niên 2026)

Gia Lai, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (“BCTC”) riêng và hợp nhất soát xét bán niên 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”, mã CK: HNG) giải trình lỗ và biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2026 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC soát xét bán niên 2026	BCTC soát xét bán niên 2025	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng	(22,2)	71,2	(93,4)
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất	(186,8)	(258,9)	72,1

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Riêng soát xét bán niên 2026 là: **(22,2) tỷ đồng**, chuyển từ lãi **71,2 tỷ đồng** ở báo cáo cùng kỳ soát xét bán niên 2025 sang lỗ ở báo cáo kỳ này soát xét bán niên 2026. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính giảm **35,4 tỷ đồng**, chi phí lãi vay tăng **34,8 tỷ đồng**, lợi nhuận khác giảm **26,3 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2025.

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2026 là: **(186,8) tỷ đồng**, biến động giảm lỗ so với cùng kỳ soát xét bán niên 2025 là **72,1 tỷ đồng**. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng **12,7 tỷ đồng**, doanh thu hoạt động tài chính giảm **(35,3) tỷ đồng**, phần lãi trong công ty liên kết tăng **26,4 tỷ đồng** và lỗ khác giảm **68,1 tỷ đồng**.

Trong BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2026, kiểm toán viên có nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục, nguyên nhân: Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần với số tiền là **186,8 tỷ đồng** và lỗ lũy kế là **13.231,1 tỷ đồng** (lỗ lũy kế này thực hiện theo Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng 01/01/2026 phần chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ hạch toán từ đồng LAK sang đồng USD dẫn đến lỗ 2.673 tỷ đồng) ; nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền **12.445,4 tỷ đồng**. Công ty đang tiếp tục

triển khai các dự án nhằm cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện các phương án huy động và bổ sung nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2026 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới.

Trên đây là giải trình lỗ và biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Bá Cường



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 41

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai) vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi một (21) GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM"), theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành, cổ phiếu của Công ty đã hủy niêm yết trên SGDCKHCM và chuyển sang giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch ("UPCOM") theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") ban hành.

Hoạt động đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Bùi Minh Khoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
	không điều hành	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
	không điều hành	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thanh Duy	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Đặng Công Trức	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bảo Sơn.

Ông Phan Bá Cường được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo Giấy Ủy quyền số 01/2026/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Bá Cường



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12827243/69502551/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 22.258.906 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.894.876.442 ngàn VND. Các điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2026-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.911.527.528	14.855.908.493
I. Tiền	110	4	1.060.106	551.964
1. Tiền	111		1.060.106	551.964
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.740.642.397	8.196.647.307
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	11.740.642.397	8.196.647.307
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.017.129.451	6.526.028.384
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.977.873.857	2.645.905.470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.403.200.748	1.431.522.620
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	2.636.177.939	2.448.824.316
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	9	(123.093)	(224.022)
IV. Hàng tồn kho	140	10	18.643.789	17.871.860
1. Hàng tồn kho	141		28.996.921	28.224.992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(10.353.132)	(10.353.132)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		134.051.785	114.808.978
1. Thuế GTGT được khấu trừ	162	11	133.748.491	114.523.147
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	11	303.294	285.831
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.565.941.284	8.683.532.733
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.028.989	39.112.312
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	85.028.989	39.112.312
II. Tài sản cố định	220		4.937.938	5.809.841
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.567.521	4.065.674
Nguyên giá	222		13.218.006	13.218.006
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.650.485)	(9.152.332)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.370.417	1.744.167
Nguyên giá	228		5.980.000	5.980.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.609.583)	(4.235.833)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260		5.475.948.355	8.638.570.809
1. Đầu tư vào các công ty con	261	14.1	4.954.817.803	4.954.817.803
2. Đầu tư vào công ty liên kết	262	14.2	286.004.636	286.004.636
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	14.3	2.594.610	2.594.610
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264	14	(2.152.890.103)	(2.152.890.103)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	5	2.385.421.409	5.548.043.863
IV. Tài sản dài hạn khác	270		26.002	39.771
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		26.002	39.771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		24.477.468.812	23.539.441.226

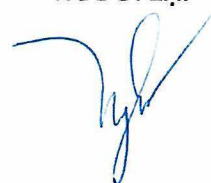
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.116.679.304	13.156.392.812
I. Nợ ngắn hạn	310		12.787.819.546	12.180.231.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	91.685.968	132.334.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	27	689.579.583	440.043.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	11	122.906	156.007
4. Phải trả người lao động	315		1.029.600	1.143.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	2.263.515.171	1.871.283.382
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	172.880.310	170.396.570
7. Vay ngắn hạn	321	18	9.564.874.588	9.564.874.588
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		4.131.420	-
II. Nợ dài hạn	330		1.328.859.758	976.161.656
1. Phải trả người bán dài hạn	331	27	324.300.177	430.876.918
2. Phải trả dài hạn khác	338	17	32.598.358	32.711.211
3. Vay dài hạn	339	18	971.961.223	512.573.527
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	10.360.789.508	10.383.048.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.085.538.950	11.085.538.950
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.085.538.950	11.085.538.950
2. Thặng dư vốn	412		1.170.127.000	1.170.127.000
3. Lỗ lũy kế	420		(1.894.876.442)	(1.872.617.536)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(1.872.617.536)	(946.484.119)
- Lỗ kỳ này	420b		(22.258.906)	(926.133.417)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		24.477.468.812	23.539.441.226

NGƯỜI LẬP



Phan Xuân Hồng Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Vũ Hải Hà



Phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phan Bá Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngân VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20.1	359.769.963	266.036.882
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20.1	359.769.963	266.036.882
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	354.886.617	262.643.641
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.883.346	3.393.241
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	20.2	398.945.721	434.361.127
6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23 24	22	416.033.867 415.683.865	381.700.754 380.876.791
7. Chi phí bán hàng	25	23	1.383.746	1.606.459
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.333.377	4.148.645
9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		(16.921.923)	50.298.510
10. Thu nhập khác	31	24	912	21.013.656
11. Chi phí khác	32	24	5.337.895	62.665
12. (Lỗ) lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(5.336.983)	20.950.991
13. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(22.258.906)	71.249.501
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.1	-	-
15. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(22.258.906)	71.249.501

NGƯỜI LẬP



Phan Xuân Hồng Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

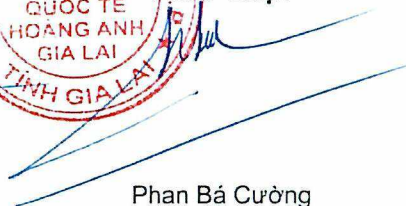


Đỗ Vũ Hải Hà



Phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phan Bá Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lỗ kế toán trước thuế	01		(22.258.906)	71.249.501
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn	02	12, 13	871.903	494.811
- Các khoản dự phòng	03		(100.929)	(44.888.588)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(28.941.189)	(147.124.699)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(369.992.941)	(285.414.204)
- Chi phí đi vay	06	22	415.683.865	380.876.791
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.738.197)	(24.806.388)
- Tăng các khoản phải thu	09		(538.876.926)	(294.233.702)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(771.929)	2.609.014
- Tăng các khoản phải trả	11		271.939.388	129.054.758
- Giảm, tăng chi phí chờ phân bổ	12		13.769	(8.817)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(22.752.127)	(18.006.148)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(126.000)	(144.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(295.312.022)	(205.535.283)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay	23		-	(78.513.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(78.513.627)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	532.320.000	537.158.627
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(236.500.000)	(263.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		295.820.000	273.658.627

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngân VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		507.978	(10.390.283)
Tiền đầu kỳ	60		551.964	13.058.472
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		164	1.256
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	1.060.106	2.669.445

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phan Xuân Hồng Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Vũ Hải Hà



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT



Phan Bá Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5900712753 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai) cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi mốt (21) GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”. Công ty đã bị hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên UPCOM theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do HNX ban hành.

Hoạt động đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 10 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 18).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng sở hữu và hoạt động biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty con				
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Trồng cây công, nông nghiệp, chăn nuôi và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Trồng cây công, nông nghiệp	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Trồng cây công, nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Trồng cây công, nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Trồng cây công, nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Trồng cây công, nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào (“Nam Lào”)	Trồng cây công, nông nghiệp và chăn nuôi	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”)	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh ("TM") số 14.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.6 Giả định hoạt động liên tục**

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 22.258.906 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.894.876.442 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu vận hành và thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn trong tương lai gần, cùng với sự hỗ trợ tài chính tiếp tục của các cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch kinh doanh và dự báo dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo trên cơ sở kỳ vọng về (i) dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc triển khai các dự án nông nghiệp quy mô lớn, (ii) các khoản giải ngân nợ vay với các ngân hàng thương mại từ các hợp đồng tín dụng hiện tại và (iii) dòng tiền hỗ trợ tài chính từ cổ đông. Cụ thể, Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), cổ đông lớn của Công ty, đã cam kết sẽ hỗ trợ nguồn tài chính bổ sung cần thiết cũng như gia hạn các khoản công nợ với cổ đông khi đến hạn thanh toán để đảm bảo Công ty có thể hoạt động bình thường.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, và theo đó, sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các nghĩa vụ đến hạn trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 như được trình bày tại *Thuyết minh số 30*.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u> <u>(% giá trị khoản phải thu)</u>
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do Công ty nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

Tài sản cố định hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. Tài sản cố định vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.9 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.12 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không phải là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ thì đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.19 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của giữa niên độ Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Lai	611.043	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	360.688	142.422
- Các ngân hàng khác	88.375	409.542
TỔNG CỘNG	1.060.106	551.964

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong tương lai:		
Cần trừ khoản phải trả khác từ hoạt động kinh doanh với khoản vay từ hoạt động tài chính	163.567.696	-
Cần trừ khoản phải thu khác từ hoạt động kinh doanh với khoản phải thu cho vay từ hoạt động đầu tư	-	78.513.627

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	11.740.642.397	8.196.647.307
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	11.740.642.397	8.196.647.307
Dài hạn	2.385.421.409	5.548.043.863
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	270.949.944	3.440.248.999
Cho vay Chính phủ Lào (*)	2.114.471.465	2.107.794.864
TỔNG CỘNG	14.126.063.806	13.744.691.170

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất với số tiền 80.440.975 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 80.440.975 USD) nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các khoản cho vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ phải trả khác mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai, hoặc được thanh toán bằng tiền mặt.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu từ bên liên quan (TM số 27)	2.977.711.685	-	2.645.701.480	-
Phải thu từ khách hàng	162.172	-	203.990	(100.929)
TỔNG CỘNG	2.977.873.857	-	2.645.905.470	(100.929)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.403.200.748	1.428.522.620
Trả trước cho người bán	-	3.000.000
TỔNG CỘNG	1.403.200.748	1.431.522.620

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Ngân VND Số đầu kỳ
Ngắn hạn	2.636.177.939	2.448.824.316
Phải thu các bên liên quan từ việc cần trừ công nợ	2.398.610.795	2.221.320.699
Chi hộ	235.802.773	227.099.249
Khác	1.764.371	404.368
Dài hạn	85.028.989	39.112.312
Cho mượn hàng hóa	85.028.989	39.112.312
TỔNG CỘNG	2.721.206.928	2.487.936.628
Dự phòng phải thu khác khó đòi (TM số 9)	(123.093)	(123.093)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.721.083.835	2.487.813.535
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (TM số 27)</i>	2.634.413.568	2.448.419.948
<i>Phải thu dài hạn khác bên liên quan (TM số 27)</i>	85.028.989	39.112.312
<i>Phải thu khác bên khác</i>	1.764.371	404.368

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ	Ngân VND Số đầu kỳ
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn (TM số 8)	123.093	123.093
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 6)	-	100.929
TỔNG CỘNG	123.093	224.022

Chi tiết tình hình tăng,giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Kỳ này	Ngân VND Kỳ trước
Số đầu kỳ	224.022	43.772.172
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	915.771
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(100.929)	-
Xóa sổ dự phòng trong kỳ	-	(44.687.943)
Số cuối kỳ	123.093	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	28.262.521	(10.353.132)	22.777.609	(10.353.132)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	734.400	-	-	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.447.383	-
TỔNG CỘNG	28.996.921	(10.353.132)	28.224.992	(10.353.132)

Ngàn VND

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Số đầu kỳ	10.353.132	11.469.548
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(37.571)
Xóa sổ dự phòng trong kỳ	-	(1.078.845)
Số cuối kỳ	10.353.132	10.353.132

Ngàn VND

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	114.523.147	22.967.709	(3.742.364)	133.748.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	-	1.539.527	(1.522.064)	17.463
TỔNG CỘNG	114.808.978	24.507.236	(5.264.428)	134.051.785
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	156.007	-	(33.101)	122.906

Ngàn VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	310.655	9.941.178	2.966.173	13.218.006
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	310.655	4.990.704	2.929.213	8.230.572
Khấu hao lũy kế				
Số đầu kỳ	(310.655)	(5.878.585)	(2.963.092)	(9.152.332)
Khấu hao trong kỳ	-	(495.072)	(3.081)	(498.153)
Số cuối kỳ	(310.655)	(6.373.657)	(2.966.173)	(9.650.485)
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	4.062.593	3.081	4.065.674
Số cuối kỳ	-	3.567.521	-	3.567.521

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND	
	Chương trình phần mềm	
Nguyên giá		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ		5.980.000
Hao mòn lũy kế		
Số đầu kỳ		(4.235.833)
Hao mòn trong kỳ		(373.750)
Số cuối kỳ		(4.609.583)
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ		1.744.167
Số cuối kỳ		1.370.417

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư vào các công ty con (TM số 14.1)	4.954.817.803	4.954.817.803
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	5.243.417.049	5.243.417.049
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.152.890.103)	(2.152.890.103)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.090.526.946	3.090.526.946

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng và kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	%	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
HA Attapeu	100	2.101.029.560	(2.101.029.560)	-	100	2.101.029.560	(2.101.029.560)	-
HAQM Lào	100	1.081.159.132	-	1.081.159.132	100	1.081.159.132	-	1.081.159.132
HA Rattanakiri	100	943.987.719	-	943.987.719	100	943.987.719	-	943.987.719
HA Oyadav	100	828.641.392	(49.265.933)	779.375.459	100	828.641.392	(49.265.933)	779.375.459
Nam Lào (TM số 28)	100	-	-	-	100	-	-	-
TỔNG CỘNG		4.954.817.803	(2.150.295.493)	2.804.522.310		4.954.817.803	(2.150.295.493)	2.804.522.310

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Giá trị có thể thu hồi được	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Giá trị có thể thu hồi được
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	286.004.636	49,14	286.004.636	286.004.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Phải trả cho bên liên quan (TM số 27)	84.009.400	126.555.448
Phải trả cho người bán	<u>7.676.568</u>	<u>5.779.043</u>
TỔNG CỘNG	<u>91.685.968</u>	<u>132.334.491</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Chi phí lãi vay	2.236.937.003	1.843.754.176
Chi phí hoạt động	<u>26.578.168</u>	<u>27.529.206</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.263.515.171</u>	<u>1.871.283.382</u>
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)	2.231.794.912	1.843.202.157
Phải trả bên khác	<u>31.720.259</u>	<u>28.081.225</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Ngân VND Số đầu kỳ
Ngắn hạn	172.880.310	170.396.570
Phải trả các bên liên quan (TM số 27)	162.241.970	162.625.964
Phải trả khác	10.638.340	7.770.606
Dài hạn	32.598.358	32.711.211
Phải trả các bên liên quan (TM số 27)	32.598.358	32.711.211
TỔNG CỘNG	205.478.668	203.107.781

18. VAY

	Số cuối kỳ	Ngân VND Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn	9.564.874.588	9.564.874.588
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.1 và TM số 27)	3.932.160.518	3.932.160.518
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.2)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 18.3 và TM số 27)	5.132.714.070	5.132.714.070
Vay dài hạn	971.961.223	512.573.527
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 18.3 và TM số 27)	971.961.223	512.573.527
TỔNG CỘNG	10.536.835.811	10.077.448.115

Tình hình tăng, giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngân VND Tổng cộng
Số đầu kỳ	9.564.874.588	512.573.527	10.077.448.115
Tiền thu từ đi vay	236.500.000	295.820.000	532.320.000
Tiền trả nợ gốc vay	(236.500.000)	-	(236.500.000)
Cần trừ công nợ	-	163.567.696	163.567.696
Số cuối kỳ	9.564.874.588	971.961.223	10.536.835.811

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ Ngân VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THACO AGRI") (TM số 27)	3.932.160.518	Từ tháng 12 năm 2026 đến tháng 6 năm 2027	6,5 - 8,0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối kỳ</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TP Bank") - Chi nhánh Hà Nội	<u>500.000.000</u>	Từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 1 năm 2027	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TP Bank + 2,35%/năm (6 tháng năm 2026: 9,3 - 9,5)	Quyền nhượng quyền kinh tế đất (ELC) và các quyền liên quan khác đối với quyền sử dụng đất; quyền khai thác và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 3.128,72 ha tại Xã Talav và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanaki, Campuchia, bao gồm các công trình xây dựng, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật hiện có và sẽ hình thành trong tương lai, cùng toàn bộ thiết bị, máy móc, tháp, rào chắn, phụ tùng, bộ phận thay thế hoặc cải tiến trên hoặc liên quan đến đất; cũng như toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ việc khai thác, sử dụng tài sản này, thuộc sở hữu của HA Oyadav.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THACO AGRI	<u>6.104.675.293</u>	Từ tháng 1 năm 2027 đến tháng 3 năm 2031	7,70 - 13,00
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	5.132.714.070		
Vay dài hạn	971.961.223		

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng Ngàn VND
Kỳ trước				
Số đầu kỳ	11.085.538.950	1.170.127.000	(946.358.119)	11.309.307.831
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	71.249.501	71.249.501
Số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(875.108.618)</u>	<u>11.380.557.332</u>
Kỳ này				
Số đầu kỳ	11.085.538.950	1.170.127.000	(1.872.617.536)	10.383.048.414
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(22.258.906)	(22.258.906)
Số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(1.894.876.442)</u>	<u>10.360.789.508</u>

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Doanh thu bán hàng hóa	317.111.742	225.016.082
Doanh thu bán mũ cao su	41.998.255	40.905.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	659.966	115.800
DOANH THU THUẦN	359.769.963	266.036.882
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>359.594.299</i>	<i>265.839.423</i>
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	<i>175.664</i>	<i>197.459</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lãi cho vay bên liên quan	369.992.941	285.332.386
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.952.174	149.025.186
Lãi tiền gửi ngân hàng	606	3.555
TỔNG CỘNG	398.945.721	434.361.127

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Giá vốn hàng hóa	314.635.401	223.579.927
Giá vốn mủ cao su đã bán	39.806.378	38.989.929
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	444.838	73.785
TỔNG CỘNG	354.886.617	262.643.641

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Chi phí lãi vay	415.683.865	380.876.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	715.272
Khác	350.002	108.691
TỔNG CỘNG	416.033.867	381.700.754

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng	1.383.746	1.606.459
Chi phí vận chuyển	1.072.505	1.067.777
Chi phí nhân viên	311.241	521.882
Khác	-	16.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.333.377	4.148.645
Chi phí nhân viên	2.012.122	2.066.359
Khấu hao và hao mòn	428.333	419.152
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(100.929)	915.771
Khác	993.851	747.363
TỔNG CỘNG	4.717.123	5.755.104

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Thu nhập khác	912	21.013.656
Thu nhập từ xóa sổ công nợ	-	20.912.021
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	81.818
Khác	912	19.817
Chi phí khác	5.337.895	62.665
Dự phòng thuế phải nộp	4.131.420	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.197.395	-
Khác	9.080	62.665
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(5.336.983)	20.950.991

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa	354.443.046	262.148.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.066.357	1.683.879
Chi phí nhân viên	2.323.363	2.588.241
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 12 và 13)	871.903	494.811
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(100.929)	915.771
Khác	-	567.213
TỔNG CỘNG	359.603.740	268.398.745

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lỗ tính thuế:

	Kỳ này	Ngân VND Kỳ trước
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.258.906)	71.249.501
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	5.801.690	1.184.152
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(27.722.925)	(150.531.740)
Điều chỉnh theo Nghị định 20/2025/NĐ-CP (*)	36.798.228	51.639.532
Lỗ chịu thuế ước tính	(7.381.913)	(26.458.555)
Lỗ thuế chuyển sang kỳ sau chưa ghi nhận thuế hoãn lại	7.381.913	26.458.555
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

(*) Theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2025 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ với tổng giá trị là 36.798.228 ngàn VND.

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/lỗ thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế/lỗ thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 15.163.329 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.781.416 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Ngàn VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026
2024	2029	6.825.192	-	-	6.825.192
2025	2030	956.224	-	-	956.224
2026	2031	7.381.913	-	-	7.381.913
TỔNG CỘNG		15.163.329	-	-	15.163.329

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

26.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Ngàn VND				
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (i)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2026	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2026
2024	2029	20.003.206	-	20.003.206
2025	2030	199.996.875	-	199.996.875
2026	2031	36.798.228	-	36.798.228
TỔNG CỘNG		256.798.309	-	256.798.309

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nói trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026)	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Minh Khoa	Thành viên HĐQT
THACO	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT
THACO AGRI	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG (không còn là bên liên quan kể từ ngày 16 tháng 1 năm 2026)	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
Nam Lào	Công ty con
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Liên vận Đông Dương Thilogi ("Đông Dương Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto ("Phân phối Thaco Auto")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bò Trung Nguyên ("Bò Trung Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Thadico ("Thadicons")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Thaco Auto Gia Lai ("Thaco Auto Gia Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Trung tâm Hội nghị và Tiệc cưới Thiskyhall ("Thiskyhall")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico ("Daun Penh")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thagrigo Cao Nguyên ("Thagrigo Cao Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Công Nông Nghiệp Thadico ("Thadico")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Thaco Chu Lai ("Thaco Bao bì")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Chuyên dụng Thaco ("Thaco Thiết bị Chuyên dụng")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thaco Industries ("Thaco ID M&E")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Eastern Rubber (Campuchia) ("Eastern Rubber")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Gia công thép Chu Lai - Trường Hải ("Thép Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Thilogi ("Thilogi Vận tải")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa Thaco ("Thaco Linh kiện Nhựa")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Thilogi Lào ("Thilogi Lào")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng THACO ("Thaco Xe Chuyên dụng")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto ("Thaco Auto Phân phối")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản xuất Sợi mì rơ moóc và Cầu kiện nặng Thaco Industries ("Thaco Rơ moóc")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Đóng gói & Tháo kiện Kiểm hàng Thilogi ("Thaco Đóng gói")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Xây dựng Nông nghiệp Thagrigo Lào ("Thagricons Laos")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai ("Thaco Găng tay")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Kỳ trước</i>
Thaco Agri	Lãi vay	388.721.141	362.991.096
	Mua hàng hóa	321.407.065	211.312.272
	Vay	295.820.000	273.658.627
	Nhận tạm ứng tiền hàng	236.500.000	-
	Cần trừ công nợ sang gốc vay	163.567.696	-
	Bán hàng hóa	41.998.255	40.905.000
	Cung cấp dịch vụ	660.000	-
	Thu hộ	120.000	-
Nam Lào	Bán hàng hóa	316.852.524	6.677.017
	Cần trừ công nợ	130.389.123	-
	Cho mượn hàng hóa	45.196.874	-
	Chi hộ	13.415.844	70.000
	Mua hàng hóa	3.439.709	-
HA Attapeu	Lãi cho vay	263.700.769	211.073.628
	Mua hàng hóa	24.112.144	20.428.745
	Bán hàng hóa	-	218.257.406
	Cần trừ nợ gốc vay	-	59.393.846
Thadicons	Cần trừ công nợ	101.600.000	-
	Mua dịch vụ	11.411	-
HA Oyadav	Lãi cho vay	40.230.074	31.093.469
HA Rattanakiri	Lãi cho vay	36.858.426	24.287.909
HAQM Lào	Lãi cho vay	28.473.611	18.623.272
	Mua hàng hóa	6.807.141	25.052.759
Thaco Auto	Mua hàng hóa	21.944.444	-
Thiskyhall	Mua dịch vụ	128.625	-
Bồ Trung Nguyên	Bán hàng hóa	83.520	-
Bidiphar	Cổ tức được chia	-	26.144.558
THACO	Mua tài sản cố định	-	4.390.909
Thaco Auto Phân phối	Mua hàng hóa	-	1.659.259

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
HA Attapeu	Bán hàng hóa	2.241.917.806	2.234.838.783
Nam Lào	Bán hàng hóa	632.929.238	308.406.115
HAQM Lào	Bán hàng hóa	50.362.122	50.203.100
HA Oyadav	Bán hàng hóa	39.901.801	39.775.808
CRD	Bán hàng hóa	12.517.198	12.477.674
Bò Trung Nguyên	Bán hàng hóa	83.520	-
TỔNG CỘNG		2.977.711.685	2.645.701.480
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)</i>			
HA Attapeu	Cho vay	6.162.522.123	4.851.032.056
	Lãi cho vay	3.160.433.325	1.126.643.044
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354	805.908.354
	Lãi cho vay	36.858.426	-
HAQM Lào	Cho vay	620.432.694	620.432.694
	Lãi cho vay	292.916.240	192.136.113
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340	591.431.340
	Lãi cho vay	49.293.780	9.063.706
Nam Lào	Cho vay	19.119.781	-
	Lãi cho vay	1.726.334	-
TỔNG CỘNG		11.740.642.397	8.196.647.307
(*) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 7 năm 2026 đến ngày 14 tháng 6 năm 2027, và với lãi suất trung bình từ 7,1%/năm đến 10,05%/năm.			
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
HA Attapeu	Mua hàng hóa	775.337.704	799.719.387
HAQM Lào	Mua hàng hóa	621.955.936	628.803.233
Nam Lào	Mua hàng hóa	5.907.108	-
TỔNG CỘNG		1.403.200.748	1.428.522.620

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngân VND Số đầu kỳ</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
HA Attapeu	Cần trừ công nợ	2.083.656.424	2.045.276.071
	Chi hộ	179.570.338	178.344.427
Nam Lào	Cần trừ công nợ	138.560.766	-
	Chi hộ	55.038.411	47.643.823
CRD	Cần trừ công nợ	90.481.774	90.196.071
THACO AGRI	Cần trừ công nợ	63.317.048	63.317.049
HAQM Lào	Cần trừ công nợ	22.594.783	22.531.508
	Chi hộ	1.110.999	1.110.999
HA Rattanakiri	Chi hộ	45.934	-
HA Oyadav	Chi hộ	37.091	-
TỔNG CỘNG		2.634.413.568	2.448.419.948
<i>Phải thu dài hạn khác</i>			
Nam Lào	Cần trừ công nợ	28.789.123	-
	Cho mượn hàng hóa	24.731.641	7.703.577
HA Attapeu	Cho mượn hàng hóa	31.508.225	31.408.735
TỔNG CỘNG		85.028.989	39.112.312
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (**)</i>			
HA Oyadav	Cho vay	262.454.605	262.454.605
	Lãi cho vay	8.495.339	8.495.339
HA Attapeu	Lãi cho vay	-	1.768.048.887
	Cho vay	-	1.308.827.599
HAQM Lào	Lãi cho vay	-	72.306.516
Nam Lào	Cho vay	-	19.119.781
	Lãi cho vay	-	996.272
TỔNG CỘNG		270.949.944	3.440.248.999

(**) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả vào ngày 24 tháng 12 năm 2028 và với lãi suất là 10,1%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngân VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Phân phối Thaco Auto	Mua hàng hóa	60.825.000	46.163.000
Thaco Auto Gia Lai	Mua hàng hóa	18.960.000	-
Đông Dương Thilogi	Mua hàng hóa	2.253.605	3.770.768
THACO	Mua tài sản cố định	1.830.000	4.830.000
THACO AGRI	Mua hàng hóa	-	68.951.680
Bên liên quan khác	Mua dịch vụ	140.795	2.840.000
TỔNG CỘNG		84.009.400	126.555.448
<i>Phải trả người bán dài hạn</i>			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	324.300.177	430.876.918
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	689.579.583	440.043.118
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Lãi vay	2.231.791.527	1.843.202.157
	Khác	3.385	-
TỔNG CỘNG		2.231.794.912	1.843.202.157
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	133.363.752	133.825.446
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	10.640.112	10.676.947
THACO AGRI	Mượn tiền	10.589.906	10.475.371
HA Attapeu	Thu hộ	7.648.200	7.648.200
TỔNG CỘNG		162.241.970	162.625.964
<i>Phải trả dài hạn khác</i>			
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	32.598.358	32.711.211
<i>Vay ngắn hạn</i>			
THACO AGRI	Vay	9.064.874.588	9.064.874.588
<i>Vay dài hạn</i>			
THACO AGRI	Vay	971.961.223	512.573.527

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Ngân VND	
		Thu nhập	
		Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Phó chủ tịch	36.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	-	-
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026)	Thành viên	90.000	-
Ông Bùi Minh Khoa	Thành viên	-	-
Ban Kiểm soát			
Ông Trần Thanh Duy	Trưởng ban	-	-
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	-	-
TỔNG CỘNG		126.000	144.000

28. CAM KẾT GÓP VỐN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào.

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ - USD	2.026	2.124
Nợ khó đòi đã xóa sổ (Ngân VND)	44.687.943	44.687.943

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (*Thuyết minh số 3.1*) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngàn VND Số đầu kỳ (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	8.567.579.876	8.567.579.876
Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.868.804.444	(6.868.804.444)	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.776.667.178	(1.327.842.862)	2.448.824.316
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	5.548.043.863	5.548.043.863
Phải thu về cho vay dài hạn	3.698.196.849	(3.698.196.849)	-
Phải thu dài hạn khác	1.888.959.326	(1.849.847.014)	39.112.312
	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Kỳ trước (được trình bày lại)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Lãi từ hoạt động đầu tư	(285.414.204)	3.555	(285.410.649)
Tiền thu lãi cho vay	3.555	(3.555)	-

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2026, theo Nghị quyết HĐQT số 07/26/NQ-HĐQT/HAGL Agrico, HĐQT của Công ty đã thông qua chủ trương sáp nhập HAQM Lào và HA Attapeu vào Nam Lào nhằm đơn giản hóa cơ cấu tổ chức của Công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, quá trình sáp nhập vẫn đang được triển khai và chưa hoàn tất.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

NGƯỜI LẬP



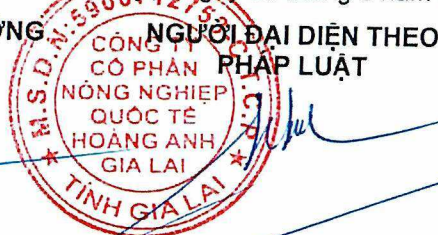
Phan Xuân Hồng Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Vũ Hải Hà

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phan Bá Cường

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn